3313

LƯU TRỮ BỘ NGOẠI GIAO

HIỆP ĐỊNH

GIỮA CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ CHÍNH PHỦ UCRAINA
VỀ HỢP TÁC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ.

****

Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ Ucraina, sau đây gọi tắt là các "Bên",

xác nhận vai trò then chốt của khoa học và công nghệ trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế ưu tiên,

coi trọng việc tiếp tục phát triển và hoàn thiện hợp tác khoa học - công nghệ cùng có lợi giữa Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Ucraina,

nhằm nhanh chóng đạt được những kết quả tương ứng với trình độ phát triển khoa học và kỹ thuật quốc tế, cũng như đảm bảo giải quyết linh hoạt những vấn đề trong phạm vi hợp tác khoa học - công nghệ,

đã thoả thuận những điều sau:

Điều 1.

Các Bên, phù hợp với luật pháp và các qui định hiện hành của nước mình, sẽ tạo điều kiện thuận tiện cho sự hợp tác cùng có lợi giữa hai nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 2.

Nhằm thực hiện hợp tác khoa học -công nghệ, các Bên sẽ tạo điều kiện thuận tiện để ký kết các thoả thuận, hợp đồng giữa các trung tâm khoa học, các viện và các tổ chức nghiên cứu khoa học, các trường đại học, các liên hiệp khoa học - sản xuất và các doanh nghiệp của Việt nam và Ucraina.

Thời gian và các điều kiện, biện pháp thực hiện các chương trình và các dự án cụ thể, cũng như các điều kiện về kinh phí và những vấn đề cần thiết khác sẽ được qui định tại các thoả thuận và hợp đồng.

SAO NGUYÊN VĂN BẢN CHÍNH
TỪ TÀI LIỆU LƯU TRỮ
BỘ NGOẠI GIAO
Số :11/13/...../LTBNG
Gồm có :.....15.....trang/tờ
Hà Nội, ngày...30...tháng...8...năm 2011

Các thoả thuận và hợp đồng nói trên sẽ được ký kết phù hợp với luật pháp và các qui định của hai nước.

Điều 3.

Hợp tác Khoa học - công nghệ giữa các tổ chức của Việt nam và Ucraina có thể được tiến hành theo các hình thức sau:

Cùng tiến hành các nghiên cứu và sử lý về khoa học và công nghệ;

- Thành lập các trung tâm nghiên cứu khoa học, khoa học - sản xuất, công nghệ, các phòng thí nghiệm hỗn hợp v.v..;

- Trao đổi chuyên gia trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;

- Trao đổi thông tin khoa học - công nghệ, thiết bị, vật tư nghiên cứu, tài liệu kỹ thuật và vật mẫu;

- Chuyển giao các hiểu biết và kinh nghiệm về công nghệ;

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các cuộc triển lãm khoa học - kỹ thuật theo những chuyên đề hai Bên cùng quan tâm;

- Những hình thức hợp tác khoa học - công nghệ khác không vi phạm luật pháp của hai nước.

Điều 4.

Các Bên, trong khuôn khổ luật pháp hiện hành của hai nước, sẽ hỗ trợ việc thiết lập quan hệ hợp tác khoa học - công nghệ trực tiếp giữa các tổ chức của Việt nam và Ucraina.

Điều 5.

Nhằm thực hiện các thoả thuận qui định trong Hiệp định này, hai Bên thành lập Ủy ban Việt nam - Ucraina về hợp tác khoa học - công nghệ (sau đây gọi tắt là "Ủy ban"), đứng đầu là hai Chủ tịch Phân ban quốc gia.

Thành phần của các Phân ban Việt nam và Ucraina của Ủy ban do mỗi bên cử ra theo các thủ tục của từng nước.

Để đảm bảo mối quan hệ trực tiếp và thường xuyên về những vấn đề thuộc Hiệp định này, các Bên có thể cử các đại diện thường trú có thẩm quyền tại Việt nam và Ucraina từ thành phần của Ủy ban.

Các khoá họp của Ủy ban sẽ tiến hành định kỳ. Địa điểm và thời gian tiến hành khoá họp sẽ được thoả thuận trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 6.

Trong từng giai đoạn cụ thể Ủy ban sẽ soạn thảo Chương trình hợp tác khoa học công nghệ (sau đây gọi là "Chương trình"), bao gồm những vấn đề quan trọng nhất để hợp tác và những vấn đề ưu tiên trong lĩnh vực khoa học và công nghệ do các tổ chức của Việt nam và Ucraina hợp tác với nhau thực hiện.

Điều kiện tham gia của chuyên gia nước thứ ba hoặc các tổ chức quốc tế trong việc thực hiện Chương trình được thoả thuận ở Ủy ban.

Trong quá trình hợp tác Chương trình có thể được Ủy ban điều chỉnh hoặc bổ sung.

Điều 7.

Các Bên phù hợp với luật pháp, qui định hiện hành của nước mình tạo điều kiện thuận lợi trong việc xuất cảnh, nhập cảnh cho các chuyên gia làm việc theo các thoả thuận và hợp đồng trong khuôn khổ thực hiện Chương trình, cũng như giải quyết các vấn đề dành ưu đãi về hải quan và thuế đối với thiết bị, tài liệu, vật mẫu và vật tư xuất, nhập cần thiết để thực hiện các cam kết theo Chương trình.

Về việc thông qua các quyết định dành những ưu đãi nêu trên hai Bên sẽ thông báo cho nhau theo thủ tục công tác.

Điều 8.

Các chi phí liên quan đến việc cử chuyên gia để thực hiện Hiệp định này và hợp tác khoa học - công nghệ giữa các tổ chức Việt nam và Ucraina có thể được thực hiện theo các phương thức sau:

- Bên cử chuyên gia tự chi;

Trên cơ sở trao đổi tương đương phi ngoại tệ, khi các tổ chức hợp tác có thoả thuận về điều đó;

Theo các điều kiện phù hợp với luật pháp của hai nước và được ghi nhận trong các thoả thuận và hợp đồng do hai Bên hoặc các tổ chức hợp tác của hai nước ký kết, cũng như trong các nghị định thư về việc tổ chức hợp tác.

Hai Bên đã nhất trí rằng chi phí cho việc phục vụ y tế đối với các nhân viên của nước này đang tham gia thực hiện các dự án hợp tác ở nước kia được cơ quan tiếp nhận đảm bảo với những điều kiện như đối với các nhân viên của cơ quan tiếp nhận.

Điều 9.

Các Bên sẽ giải quyết những vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và công nghiệp, có thể nảy sinh trong quá trình hợp tác, phù hợp với luật pháp của hai nước và luật pháp quốc tế. Những vấn đề cụ thể về việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ và công nghiệp, những trách nhiệm về tài chính có thể nảy sinh liên quan đến việc này sẽ được qui định trong các bản thoả thuận và hợp đồng nói trong Điều 2.

Thông tin khoa học - công nghệ nhận được trong quá trình hợp tác, không thuộc lĩnh vực sở hữu công nghiệp, hoặc thông tin khác, trừ những thông tin không được quyền công bố vì lý do thương mại hoặc công nghiệp, có thể được chuyển giao cho nước thứ ba khi có thoả thuận chính thức của các tổ chức hợp tác với nhau của Việt nam và Ucraina phù hợp với luật pháp và qui định hiện hành ở mỗi nước.

Điều 10.

Các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện Hiệp định này:

- về phía Việt nam là Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam;

- về phía Ucraina là Ủy ban Nhà nước Ucraina về các vấn đề khoa học, kỹ thuật và chính sách công nghiệp.

Điều 11.

Các điều khoản của Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của hai Bên, phát sinh từ các hiệp định, hiệp ước quốc tế mà các Bên tham gia.

Điều 12.

Hiệp định này có hiệu lực trong thời gian không hạn chế kể từ ngày ký.

Hai Bên có thể hủy bỏ Hiệp định này. Hiệp định sẽ hết hiệu lực sau 6 tháng kể từ khi mỗi bên nhận được thông báo bằng văn bản của Bên kia thông qua đường ngoại giao bày tỏ ý muốn của mình chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

Trong trường hợp một trong các Bên từ bỏ việc tham gia Hiệp định này, các Bên sẽ điều chỉnh các vấn đề nảy sinh do việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định bằng một Nghị định thư riêng.

Việc hủy bỏ Hiệp định không ảnh hưởng đến nghĩa vụ của các tổ chức Việt nam và Ucraina theo các thoả thuận và hợp đồng đã ký trên cơ sở Hiệp định này cho tới khi kết thúc thời hạn thực hiện chúng.

Điều 13.

Hiệp định này có thể được bổ sung hoặc sửa đổi theo thoả thuận giữa hai Bên. Các sửa đổi và bổ sung được ghi nhận trong các Nghị định thư và có hiệu lực như qui định ở điều 12 của Hiệp định này.

Làm tại Hà nội..... ngày 08 tháng 04 năm 1996 thành 2 bản, mỗi bản được làm bằng tiếng Việt nam, tiếng Ucraina và tiếng Nga. Các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự hiểu khác nhau các bản tiếng Việt nam và tiếng Ucraina các Bên sẽ sử dụng bản tiếng Nga làm cơ sở./.

THAY MẶT
CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

THAY MẶT
CHÍNH PHỦ UCRAINA

УГОДА

МІЖ УРЯДОМ СОЦІАЛІСТИЧНОЇ РЕСПУБЛІКИ В'ЄТНАМ ТА УРЯДОМ УКРАЇНИ ПРО НАУКОВО-ТЕХНОЛОГІЧНЕ СПІВРОБІТНИЦТВО

Уряд Соціалістичної Республіки В'єтнам та Уряд України, що в подальшому іменуються як "Сторони",

визнаючи провідну роль науки та технології у вирішенні пріоритетних економічних завдань,

надаючи важливе значення подальшому розвитку і вдосконаленню взаємовигідного науково-технологічного співробітництва між Соціалістичною Республікою В'єтнам і Україною,

в цілях прискореного досягнення результатів, що відповідають світовому рівню розвитку науки і техніки, а також забезпечення оперативного вирішення питань в галузі науково-технологічного співробітництва,

погодились про наступне:

СТАТТЯ 1

Сторони у відповідності з законами та правилами своїх країн сприятимуть взаємовигідному співробітництву між обома країнами в сфері науки і технології.

СТАТТЯ 2

В цілях здійснення науково-технологічного співробітництва Сторони будуть сприяти укладенню угод, договорів і контрактів між в'єтнамськими та українськими науковими центрами, науково-дослідними інститутами та організаціями, вищими навчальними закладами, науково-виробничими об'єднаннями та підприємствами.

В угодах, договорах і контрактах будуть визначатися строки й умови реалізації окремих програм і проектів співробітництва, шляхи їх здіснення, фінансові умови та інші необхідні питання.

Такі угоди, договори і контракти будуть укладатися у відповідності з законами й правилами обох країн.

СТАТТЯ 3

Науково-технологічне співробітництво між в'єтнамськими та українськими організаціями може здійснюватися в таких формах:

- Спільне проведення наукових і технологічних досліджень і розробок;

- Організація спільних науково-дослідних, науково-виробничих і технологічних центрів, лабораторій і т.і.;

- Обмін спеціалістами в галузі науки і технології;

- Обмін науково-технологічною інформацією, обладнанням, документацією, матеріалами та зразками;

- Передача технологічних знань і досвіду;

- Організація семінарів, симпозіумів і конференцій, науково-технічних виставок з питань, що мають взаємний інтерес;

- Інші форми науково-технологічного співробітництва, які не суперечать законодавствам обох країн.

СТАТТЯ 4

Сторони будуть у відповідності з чинним в обох країнах законодавством сприяти установленню прямих науково-технологічних зв'язків між українськими і в'єтнаімськими організаціями.

СТАТТЯ 5

З метою реалізації домовленостей, що випливають з цієї Угоди, Сторони створюють В'єтнамсько-Українську Комісію з питань науково-технологічного співробітництва (надалі іменується "Комісія"), яку очолюють голови її національних частин.

Склад В'єтнамської і Української частин Комісії формується кожною із Сторін самостійно у відповідності з прийнятими в кожній із країн процедурами.

Для забезпечення постійного та безпосереднього зв'язку з приводу питань цієї Угоди Сторони можуть направляти відповідно в В'єтнам і Україну своїх відповідальних представників із складу членів Комісії.

Сесії Комісії будуть відбуватися регулярно. Місце та строки їх проведення будуть визначені в кожному окремому випадку.

СТАТТЯ 6

Комісія буде на певний термін розробляти Програму науково-технологічного співробітництва (в подальшому іменується "Програма"), що включає найбільш важливі питання співробітництва та пріоритетні проблеми в галузі науки і технології, що виконуються заінтересованими в'єтнамськими і українськими організаціями.

Умови участі спеціалістів третіх країн або міжнародних організацій у виконанні Програми узгоджуються в Комісії.

В ході співробітництва Програма може уточнюватися Комісією.

СТАТТЯ 7

Сторони у відповідності з законами і правилами своїх країн створюють сприятливі умови для в'їзду та виїзду спеціалістів, що працюють за договорами, угодами та контрактами в межах реалізації Програми, а також вирішують питання встановлення митних і податкових пільг стосовно ввозу та вивозу обладнання, документації, зразків і матеріалів, що необхідні для виконання зобов'язань по Програмі.

Про рішення, прийняті щодо надання вищевказаних пільг Сторони інформують одна одну в робочому порядку.

СТАТТЯ 8

Фінансові витрати, пов'язані з відрядженням спеціалістів для виконанання цієї Угоди та науково-технологічного співробітництва між в'єтнамськими і українськими організаціями, можуть здійснюватися:

- за рахунок організацій, що направляють;

- на основі безвалютного еквівалентного обміну, коли про це є домовленість організацій, що співробітничають;

- на умовах, які не протирічать чинному в обох країнах законодавству і спеціально обумовлюються в угодах і договорах, що укладають Сторони або організації обох країн, що співробітничають, а також у протоколах, що підписуються з питань організації співробітництва.

Сторони домовились, що питання медичного обслуговування осіб із однієї країни, які беруть участь у спільних проектах і знаходяться при цьому на території іншої країни, вирішуються за рахунок організацій, що приймають, на тих же умовах, як і для співробітників організації, що приймає.

СТАТТЯ 9

Сторони будуть вирішувати питання захисту прав на інтелектуальну і промислову власність, яка може бути створена в результаті співробітництва, з урахуванням законодавства обох країн і норм міжнародного права. Конкретні питання використання прав на інтелектуальну і промислову власність, можливі фінансові зобов'зання, пов'язані з цим, обумовлюються угодами, договорами і контрактами, згаданими у Статті 2.

Науково-технологічна інформація, що одержується в ході співробітництва, яка не стосується промислової власності, або інша інформація, крім такої, яка не підлягає розголошенню з комерційних і інших причин, може бути передана третім країнам при офіційній згоді в'єтнамських і українських організацій, що співробітничають, у відповідності з чинними законами і правилами кожної із країн.

СТАТТЯ 10

Організаціями Сторін, які відповідають за реалізацію цієї Угоди, будуть:

- з В'єтнамської Сторони - Міністерство Науки, Технології і навколишнього середовища СРВ;
- з Української Сторони - Державний Комітот України з питань науки, техніки та промислової політики.

СТАТТЯ 11

Положення цієї Угоди не торкаються прав і зобов'язань Сторін, що випливають із інших міжнародних угод та договорів, учасниками яких вони є.

СТАТТЯ 12

Ця Угода набуває чинності з дня підписання й термін її дії не обмежено.

Ця Угода може бути розірвана Сторонами. Угода втрачає силу по закінченні шести місяців після одержання письмового повідомлення будь-якої із Сторін про своє бажання припинити її дію.

У випадку відмовлення однієї із Сторін від участі в цій Угоді Сторонами будуть врегульовані в окремому протоколі питання, які виникли у зв'язку з припиненням дії Угоди.

Припинення дії цієї Угоди не торкається зобов'язань в'єтнамських і українських організацій по відповідним діючим угодам, договорам і контрактам, що укладені на основі цієї Угоди, до закінчення терміну їх дії.

СТАТТЯ 13

Ця Угода може бути доповнена або змінена за узгодженням Сторін. Доповнення або зміни оформлюються протоколами і набувають чинності у відповідності до Статті 12 цієї Угоди.

Здійснено в м. Ханой "08" квітня 1996 р. в двох примірниках в'єтнамською, українською і російською мовами, причому всі тексти мають однакову силу. У випадку різного розуміння текстів українською і в'єтнамською мовами Сторони будуть керуватися російським текстом для переговорів.

За Уряд
Соціалістичної
Республіки В'єтнам

За Уряд
України

СОГЛАШЕНИЕ
МЕЖДУ
ПРАВИТЕЛЬСТВОМ СОЦИАЛИСТИЧЕСКОЙ РЕСПУБЛИКИ ВЬЕТНАМ И ПРАВИТЕЛЬСТВОМ УКРАИНЫ О НАУЧНО-ТЕХНОЛОГИЧЕСКОМ СОТРУДНИЧЕСТВЕ

Правительство Социалистической Республики Вьетнам и Правительство Украины, в дальнейшем именуемые "Стороны",

признавая ведущую роль науки и технологии в решении приоритетных экономических задач,

придавая важное значение дальнейшему развитию и совершенствованию взаимовыгодного научно - технологического сотрудничества между Социалистической Республикой Вьетнам и Украиной,

в целях ускоренного достижения результатов, соответствующих мировому уровню развития науки и техники, а также обеспечения оперативного решения вопросов в области научно - технологического сотрудничества

согласились с нижеследующим:

СТАТЬЯ 1

Стороны в соответствии с законами и правилами своих стран будут способствовать взаимовыгодному сотрудничеству между двумя странами в области науки и технологии.

СТАТЬЯ 2

В целях осуществления научно-технологического сотрудничества Стороны будут способствовать заключению соглашений, договоров и контрактов между вьетнамскими и украинскими научными центрами, научно-исследовательскими институтами и организациями, высшими учебными заведениями, научно-производственными объединениями и предприятиями.

В соглашениях, договорах и контрактах будут определяться сроки и условия реализации отдельных программ и проектов сотрудничества, пути их осуществления, финансовые условия и другие необходимые вопросы.

Такие соглашения, договоры и контракты будут заключаться в соответствии с законами и правилами обеих стран.

СТАТЬЯ 3

Научно - технологическое сотрудничество между вьетнамскими и украинскими организациями может осуществляться в следующих формах:

- Совместное проведение научных и технологических исследований и разработок;
- Организация совместных научно - исследовательских, научно - производственных и технологических центров, лабораторий и т.д.;
- Обмен специалистами в области науки и технологии;
- Обмен научно - технологической информацией, оборудованием, документацией, материалами и образцами;
- Передача технологических знаний и опыта;
- Организация семинаров, симпозиумов и конференций, научно-технических выставок по вопросам, представляющим взаимный интерес;
- Другие формы научно - технологического сотрудничества, которые не противоречат законодательствам обеих стран.

СТАТЬЯ 4

Стороны будут в соответствии с действующим в обеих странах законодательством оказывать содействие в установлении прямых научно-технологических связей между вьетнамскими и украинскими организациями.

СТАТЬЯ 5

В целях реализации договоренностей, вытекающих из настоящего Соглашения, Стороны создают Вьетнамско-Украинскую Комиссию по научно-технологическому сотрудничеству (именуемую далее "Комиссия"), возглавляемую председателями ее национальных частей.

Составы Вьетнамской и Украинской частей Комиссии формируются каждой из Сторон самостоятельно в соответствии с принятыми в каждой из стран процедурами.

Для обеспечения постоянной и непосредственной связи по вопросам настоящего Соглашения Стороны могут направлять соответственно во Вьетнам и Украину своих ответственных представителей из состава членов Комиссии.

Сессии Комиссии будут происходить регулярно. Место и сроки их проведения будут оговариваться в каждом отдельном случае.

СТАТЬЯ 6

Комиссия будет на определенный период разрабатывать Программу научно-технологического сотрудничества (в дальнейшем именуемую "Программа"), включающую наиболее важные вопросы сотрудничества и приоритетные проблемы в области науки и технологии, выполняемые заинтересованными вьетнамскими и украинскими организациями.

Условия участия специалистов третьих стран или международных организаций в выполнении Программы согласовываются в Комиссии.

В ходе сотрудничества Программа может уточняться Комиссией.

СТАТЬЯ 7

Стороны в соответствии с законами и правилами своих стран создают благоприятные условия для въезда и выезда специалистов, работающих по договорам, соглашениям и контрактам в рамках реализации Программы, а также решают вопрос по установлению таможенных и налоговых льгот в отношении ввозимых и вывозимых оборудования, документации, образцов и материалов, необходимых для выполнения обязательств по Программе.

О принятых решениях по предоставлению вышеуказанных льгот Стороны информируют друг друга в рабочем порядке.

СТАТЬЯ 8

Финансовые расходы, связанные с командированием специалистов для выполнения настоящего Соглашения и научно-технологического сотрудничества между вьетнамскими и украинскими организациями, могут производиться:

- за счет направляющей организации;

- на основе безвалютного эквивалентного обмена, когда об этом есть договоренность сотрудничающих организаций;

- на условиях, не противоречащих существующему в обеих странах законодательству и специально оговариваемых в заключаемых Сторонами либо сотрудничающими организациями двух стран соглашениях или договорах, а также в подписываемых по вопросам организации сотрудничества протоколах.

Стороны договорились, что вопросы медицинского обслуживания лиц из одной страны, которые участвуют в совместных проектах и находятся при этом на территории другой страны, решаются за счет принимающих организаций на таких же условиях, как и для сотрудников принимающей организации.

СТАТЬЯ 9

Стороны будут решать вопросы защиты прав на интеллектуальную и промышленную собственность, которая может быть создана в результате сотрудничества, с учетом законодательства обеих стран и норм международного права. Конкретные вопросы использования прав на интеллектуальную и промышленную собственность, возможные финансовые обязательства, связанные с этим, обусловливаются соглашениями, договорами и контрактами, упомянутыми в Статье 2.

Научно - технологическая информация, полученная в ходе сотрудничества, не относящаяся к промышленной собственности, или другая информация, кроме той, которая не подлежит разглашению по коммерческим и иным причинам, может быть передана третьим странам при официальном согласии сотрудничающих вьетнамских и украинских организаций в соответствии с действующими законами и правилами каждой из стран.

СТАТЬЯ 10

Организациями Сторон, ответственными за реализацию настоящего Соглашения, будут являться:

- с Вьетнамской Стороны - Министерство Науки, Технологии и Окружающей среды СРВ;

- с Украинской Стороны - Государственный Комитет Украины по вопросам науки, техники и промышленной политики.

СТАТЬЯ 11

Положения настоящего Соглашения не затрагивают прав и обязательств Сторон, вытекающих из других международных соглашений или договоров, участниками которых они являются.

СТАТЬЯ 12

Настоящее Соглашение вступает в силу со дня его подписания и срок его действия не ограничен.

Настоящее Соглашение может быть расторгнуто Сторонами. Соглашение теряет силу по истечении шести месяцев после получения письменного уведомления любой из Сторон о своем желании прекратить его действие.

В случае отказа одной из Сторон от участия в настоящем Соглашении Сторонами будут урегулированы в отдельном протоколе вопросы, возникающие в связи с прекращением действия Соглашения.

Прекращение действия настоящего Соглашения не затрагивает обязательств вьетнамских и украинских организаций по заключенным на основании настоящего Соглашения соответствующим действующим соглашениям, договорам и контрактам до окончания срока их действия.

СТАТЬЯ 13

Настоящее Соглашение может быть дополнено или изменено по согласованию между Сторонами. Дополнения или изменения оформляются протоколами и вступают в силу в соответствии со Статьей 12 настоящего Соглашения.

Совершено в г. Ханой "08" апреля 1996 г. в двух экземплярах, каждый на вьетнамском, украинском и русском языках, причем эти тексты имеют одинаковую силу. В случае разного понимания текстов на вьетнамском и украинском языках Стороны будут руководствоваться русским текстом для переговоров.

ЗА ПРАВИТЕЛЬСТВО
СОЦИАЛИСТИЧЕСКОЙ
РЕСПУБЛИКИ ВЬЕТНАМ

ЗА ПРАВИТЕЛЬСТВО
УКРАИНЫ